

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Áp dụng Điều 357 và Điều 323 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 214 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, mục 7 Điều 26 của Nghị quyết số 325/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 57/2019/TLST- KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn: NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM (Ngân hàng No&PTNT Việt Nam);**

Địa chỉ: Số 2, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP. H.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đỗ Hữu Thả - Giám Đốc NHNo và PTNT Việt Nam Chi Nhánh Hòa Lạc H I;

Theo Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014.

*** Bị đơn:** Ông Chu Văn X, sinh năm 1969;

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện T, thành phố H.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Chu Văn P, sinh năm 1994;

- Ông Chu Văn H, sinh năm 1942;

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1944;

- Chị Đặng Thị H1, sinh năm 1996;
- Anh Chu Duy L, sinh năm 2000;
- Cháu Chu Văn N1, sinh năm 2017;

Địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của cháu N 1: Anh Chu Văn P và chị Đặng Thị H (là bố mẹ đẻ cháu N1);

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Chu Văn X và bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2012.000.57 HĐ/TD ngày 20/2/2012; Hợp đồng tín dụng số 2012.000.143 HĐ/TD ngày 14/3/2012; Hợp đồng tín dụng số 2011.00.615 HĐ/TD ngày 22/8/2011 và các Phụ lục Hợp đồng, tính đến ngày 03/10/2019 gồm:

Nợ gốc:	2.999.000.000đ
Nợ lãi trong hạn:	2.538.210.141đ
Nợ lãi quá hạn:	599.307.068đ
Tổng:	6.136.517.209đ

Bằng chữ: Sáu tỷ một trăm ba mươi sáu triệu năm trăm mười bảy nghìn hai trăm linh chín đồng.

Ông Chu Văn X và bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả khoản nợ trên trong thời hạn 6 tháng (kể từ 01/12/2019 đến tháng 30/5/2019), mỗi tháng trả 20.000.000đ trừ vào gốc và tháng thứ 6 tất toán toàn bộ khoản vay (ngày trả nợ cuối cùng là ngày 30/5/2019).

Ông Chu Văn X và bà Nguyễn Thị B tiếp tục phải trả lãi phát sinh đối với số tiền chưa thanh toán, kể từ ngày 04/10/2019 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số 2012.000.57 HĐ/TD ngày 20/2/2012; Hợp đồng tín dụng số 2012.000.143 HĐ/TD ngày 14/3/2012; Hợp đồng tín dụng số 2011.00.615 HĐ/TD ngày 22/8/2011 và các Phụ lục Hợp đồng. Trường hợp Ngân hàng No&PTNT Việt Nam có điều chỉnh lãi suất thì mức lãi suất ông Chu Văn X và bà Nguyễn Thị B phải trả cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Trong trường hợp ông Chu Văn X và bà Nguyễn Thị B vi phạm bất kỳ thời hạn trả nợ nào theo thỏa thuận thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thi hành án gồm:

Tài sản bảo đảm thứ nhất: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 422, tờ bản đồ số 04, diện tích 321m², tại địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện T, thành phố H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T409728 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00918/QSĐĐ/549/QĐ-UB do

UBND huyện T, thành phố H cấp ngày 04/7/2002 cấp cho hộ ông Chu Văn X. Hợp đồng thế chấp số công chứng 444 quyền số 01 TP/CC-STC/HĐGD ký tại UBND xã P, huyện T, thành phố H ngày 14/10/2010.

Tài sản bảo đảm thứ hai: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thửa đất số 426, tờ bản đồ số 03, diện tích 171,5m², tại địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện T, thành phố H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA590077 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00918/QSDD/549/QĐ-UB do UBND huyện T, thành phố H cấp ngày 04/7/2002 cấp cho ông Chu Văn Hải. Ông Chu Văn X nhận cho tặng thửa đất theo HĐCCL số 149/2001/HĐCT và đăng ký tại văn phòng ĐKQSDĐ số 191 ngày 28/11/2011. Hợp đồng thế chấp số công chứng 167/2011/HĐTC quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ký tại Văn phòng công chứng T, thành phố H ngày 31/11/2011.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm (sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc bán/ xử lý tài sản) sẽ được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bên vay với Bên cho vay. Nếu toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán các khoản nợ thì ông Chu Văn X và bà Nguyễn Thị B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Ông Chu Văn X và bà Nguyễn Thị B tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 57.068.258 đồng (*Năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm năm mươi tám đồng*). Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 56.900.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2014/06815 ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- THADS huyện T;
- TANDTP H; VKSNDTP H;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy